

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG QUỐC TẾ KẾT NỐI TOÀN CẦU
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG QUỐC TẾ KẾT NỐI TOÀN CẦU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GLOBAL CONNECTION INTERNATIONAL TELECOMMUNICATION STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GCS GLOBAL.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107578072

3. Ngày thành lập: 27/09/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 4, tòa nhà Press Club, số 59A Lý Thái Tổ, Phường Trảng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 84-4.3824.8888

Fax: 84.4.3864.9999

Email: info@globalconectionsim.com Website: www.globalconectionsim.com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
2.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
3.	Trồng lúa	0111
4.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
5.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
6.	Trồng cây mía	0114
7.	Trồng cây lấy sợi	0116
8.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
9.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
10.	Trồng cây hàng năm khác	0119
11.	Trồng cây ăn quả	0121
12.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
13.	Trồng cây điều	0123
14.	Trồng cây hồ tiêu	0124
15.	Trồng cây cao su	0125
16.	Trồng cây cà phê	0126
17.	Trồng cây chè	0127
18.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
19.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
20.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
21.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
22.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162

23.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
24.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
25.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
26.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
27.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
28.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn;	5229
29.	Bưu chính	5310
30.	Chuyển phát	5320
31.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
32.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
33.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
34.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
35.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
36.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
37.	Xuất bản phần mềm	5820
38.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ viễn thông Đại lý dịch vụ viễn thông Cung cấp dịch vụ viễn thông Dịch vụ viễn thông cơ bản: Dịch vụ thoại; Dịch vụ truyền số liệu; Dịch vụ truyền hình ảnh; Dịch vụ nhắn tin; Dịch vụ kết nối internet; Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng gồm: Dịch vụ thư điện tử; Dịch vụ thư thoại; Dịch vụ fax giá tăng giá trị; Dịch vụ truy nhập internet Kinh doanh dịch vụ nội dung thông tin và giá trị gia tăng trên mạng viễn thông di động	6190

39.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Tư vấn, phân tích, lập kế hoạch, phân loại , thiết kế trong lĩnh vực công nghệ thông tin Điều tra khảo sát, nghiên cứu thị trường về công nghệ thông tin; Tích hợp hệ thống, chạy thử, dịch vụ quản lý ứng dụng, cập nhật, bảo mật Thiết kế , lưu trữ, duy trì trang thôn tin điện tử Bảo hành, bảo trì, bảo đảm an toàn mạng và thông tin Cập nhật, tìm kiếm, lưu trữ, xử lý dữ liệu và khai thác cơ sở dữ liệu Phân phối sản phẩm công nghệ thông tin; Đào tạo công nghệ thông tin Chứng thực chữ ký điện tử Hoạt động công nghiệp nội dung Hoạt động công nghiệp phần mềm	6209
40.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311(Chính)
41.	Cổng thông tin	6312
42.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
43.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
44.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
45.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
46.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
47.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
48.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
49.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
50.	Bán mô tô, xe máy	4541
51.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
52.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
53.	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610
54.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
55.	Bán buôn thực phẩm	4632
56.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	4649
57.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
58.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
59.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659

60.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
61.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
62.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4932
63.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
64.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Ủy thác mua bán hàng hóa	8299
65.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dạy máy tính	8559
66.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: + Tư vấn giáo dục, + Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục, + Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục, + Dịch vụ kiểm tra giáo dục, + Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên. + Tư vấn du học	8560
67.	Hoạt động cấp tín dụng khác Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ	6492
68.	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) Chi tiết: Đại lý thu đổi ngoại tệ	6499
69.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
70.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
71.	Quảng cáo	7310
72.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
73.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410

74.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ chuyển giao công nghệ	7490
75.	Cho thuê xe có động cơ	7710
76.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng	7730
77.	Đại lý du lịch	7911
78.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh Lữ hành nội địa, kinh doanh lữ hành quốc tế	7912
79.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920

6. Vốn điều lệ: 8.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	BÙI THỊ HOA	Thôn 7, Xã Kỳ Sơn, Huyện Thuỷ Nguyên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	176.000	1.760.000.000	20,000	031186003449	
			Tổng số	176.000	1.760.000.000	20,000		
2	LÊ ĐÌNH CƯỜNG	Số 28, phố Hàng Than, Phường Nguyễn Trung Trực, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	176.000	1.760.000.000	20,000	013132219	
			Tổng số	176.000	1.760.000.000	20,000		
3	NGUYỄN MẠNH THỨC	Tổ 1 Đồng Minh, Phường Phương Đông, Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	176.000	1.760.000.000	20,000	100703389	
			Tổng số	176.000	1.760.000.000	20,000		
4	BÙI THỊ NHÀN	Số 12E, đường Hồ Tùng Mậu, tổ 31, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	176.000	1.760.000.000	20,000	013142462	
			Tổng số	176.000	1.760.000.000	20,000		

5	NGUYỄN VĂN MINH	Thôn Thái Phú, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	176.000	1.760.000.000	20,000	012021706	
			Tổng số	176.000	1.760.000.000	20,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: BÙI THỊ NHÀN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/06/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 013142462

Ngày cấp: 25/02/2009

Nơi cấp: Công an Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 12E, đường Hồ Tùng Mậu, tổ 31, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 12E, đường Hồ Tùng Mậu, tổ 31, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội